TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST Ngày: 18– 01 – 2023 V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh;

2. Bà Võ Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Ngọc A, sinh năm 1969. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn B, sinh năm 1968. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Ngọc A trình bày:*

Chị Lê Ngọc A và anh Lê Văn B chung sống với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương vào ngày 24/7/1987, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trước khi chung sống với nhau, chị A và anh B không có quen biết, tìm hiểu trước, mà thông qua mai mối mới cưới nhau. Nhưng việc anh chị

chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối.

Sau khi đám cưới, vợ chồng sống với nhau không được hạnh phúc, do anh B tính tình gia trưởng, vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều việc, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh B thường sử dụng vũ lực với chị A. Anh chị đã ly thân được 20 năm. Từ khi ly thân đến nay, anh chị không có hàn gắn, đoàn tụ. Hiện nay, chị A không còn tình cảm gì với anh B.

Chị Lê Ngọc A và anh Lê Văn B có 01 con chung tên Lê Phước F, sinh ngày 18/5/1997. Hiện nay, Lê Phước F đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A tự thỏa thuận với anh B.

Nay chị Lê Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc A yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn B.

- Về con chung: Do Lê Phước F, sinh ngày 18/5/1997 đã thành niên và có khả năng lao động, nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị A tự thỏa thuận với anh B, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Văn B không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc A: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Ngọc A và anh Lê Văn B; Về con chung: Lê Phước F, sinh ngày 18/5/1997, đã thành niên và có khả năng lao động, về tài sản chung và nợ chung: Chị A tự thỏa thuận với anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện ngày 26/10/2022 của chị Lê Ngọc A; Xác nhận thông tin về nơi cư trú; Giấy khai sinh của Lê Phước F; Biên bản lấy lời khai của đương sự Nguyễn Ngọc A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Văn B cư trú tại ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng

Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Ngọc A vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A và anh B là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị A và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 24/7/1987, không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*.

Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ"*.

Mặt khác, chị A xác định: Chị A và anh B chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh B tính tình gia trưởng, bất đồng quan điểm sống về nhiều việc, anh B thường hay sử dụng vũ lực với chị A. Hiện nay, chị A không còn tình cảm với anh B và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B.

Do đó, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, chị A và anh B có 01 con chung tên Lê Phước F, sinh ngày 18/5/1997. Hiện nay, Lê Phước F đã thành niên và có khả năng lao động, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A xác định chị A tự thỏa thuận với anh B, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; anh B không có ý kiến, yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung; nên Hội

đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; Nếu sau này anh chị có phát sinh tranh chấp, sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc A.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Ngọc A và anh Lê Văn B.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014281 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Lê Ngọc A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn B không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bạch Phiến